

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **271/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị S

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Bá X

2. Bà Nguyễn Thị T

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân A – Cán bộ Tòa án nhân dân quận BD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Mai P** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận BD, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 600/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-HPT ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Trương Sơn L**, sinh năm 1971; HKTT: Số nhà 15 ngách 115/1 NT, phường KM, quận BD thành phố Hà Nội; Nơi ở: Phòng 202, ngõ 295 đường SD, phường NS, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh. Anh L có mặt.

- Bị đơn: **Chị Lê Hồng T**, sinh năm 1973; HKTT: Số nhà 15 ngách 115/1 N T, phường KM, quận BD, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 51 ngõ 379/7 ĐC phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội. Chị T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – anh Trương Sơn L trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh và chị Lê Hồng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KM, quận BD, Hà Nội ngày 11/01/2000, số giấy 06.

Sau khi kết hôn anh, chị sống ở địa chỉ: số 51 ngõ 379/7 ĐC phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội. Đến tháng 5 năm 2021, anh chuyển đến sống tại địa chỉ: Phòng 202, ngõ 295 đường SD, phường NS, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh; còn chị T vẫn sinh sống tại địa chỉ: số 51 ngõ 379/7 ĐC, phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, anh chị sống không hòa thuận và phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thúy để anh sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Anh và chị T có 02 con chung là: Cháu Trương Sơn T1, sinh ngày 26/7/2002 và cháu Trương Sơn H, sinh ngày 04/6/2005. Hiện nay cháu T1 và cháu H đang ở cùng chị T. Hiện nay cháu T1 đã trưởng thành và đi làm có thu nhập, vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đối với cháu T1. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H để thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt của cháu, anh đóng góp nuôi con là 5.000.000đồng/tháng.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Anh và chị Thúy tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh, chị tự lo chỗ ở, không khiếu kiện thắc mắc gì.

- **Về nợ:** Anh và chị T không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được và cũng không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/4/2022, cháu Trương Sơn T1 (là con trai của anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T) trình bày: Hiện nay cháu đã trưởng thành và đang đi làm. Cháu hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ: Số 51 ngõ 379/7 ĐC, phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội. Cháu là con của bố Trương Sơn L và mẹ Lê Hồng T. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ cháu và em trai cháu là Trương Sơn H tại địa chỉ trên. Cháu đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, các Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Sau đó cháu đã trực

tiếp giao các văn bản trên cho mẹ cháu là Lê Hồng T. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án mẹ cháu đã đọc và nói sẽ liên lạc với Tòa án. Còn việc mẹ cháu có liên lạc với Tòa án hay không thì cháu không biết. Cháu nhận thấy cuộc sống hôn nhân của bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, trước khi bố cháu chuyển ra khỏi nhà cuối năm 2021 thì bố mẹ cháu có cãi nhau nhiều. Việc bố cháu xin ly hôn mẹ cháu thì đó là việc riêng của bố mẹ cháu, cháu không có ý kiến gì. Cháu có nghe mẹ nói với bố là nếu bố muốn ly hôn thì bố cứ nộp đơn ra Tòa án chứ mẹ cháu sẽ không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/4/2022 của cháu Trương Sơn H (là con trai thứ hai của anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T) trình bày: Hiện nay cháu đang học lớp 11 trường THPT LTT, thành phố Hà Nội. Cháu hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ: Số 51 ngõ 379/7 ĐC, phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội. Cháu là con của bố Trương Sơn L và mẹ Lê Hồng T. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ cháu và anh trai cháu là Trương Sơn T1 tại địa chỉ trên. Mẹ cháu chăm sóc cháu vẫn tốt nên nguyện vọng của cháu là được ở cùng mẹ cháu sau khi bố mẹ cháu ly hôn. Trước đây cháu có đơn gửi Tòa án đề nghị được ở với bố cháu tại Bắc Ninh. Nay cháu thấy việc ở với mẹ thuận tiện cho việc cháu học hành hơn nên cháu xin được ở với mẹ. Đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

Tại biên bản ghi ý kiến của bà Nguyễn Thị L - đại diện tổ dân phố số 2A Khu dân cư số 2 phường LG nơi chị T sinh sống với nội dung: Anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 15 ngách 115/1 NT, BD, Hà Nội nhưng gia đình anh chị sống ổn định tại địa chỉ số 51 ngõ 379/7 ĐC, phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội được hơn 10 năm. Việc anh L chuyển đi nơi khác sinh sống bà không biết. Bà là tổ phó tổ dân phố đồng thời là hàng xóm cạnh nhà anh L, chị Thúy thì bà thấy vợ chồng anh L, chị T không xảy ra xích mích hay cãi vã to tiếng. Còn thực tế cuộc sống chung của vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và mâu thuẫn đến đâu bà không nắm được. Anh L và chị T có 02 con trai chung là cháu T1 và cháu H. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ: bà không nắm được. Về việc anh L có đơn xin ly hôn chị T, bà có nguyện vọng mong muốn đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh L, chị T hàn gắn tình cảm, gia đình được đoàn tụ.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho anh Trương Sơn L được ly hôn chị Lê Hồng T; về con chung: Giao con chung là Trương Sơn H, sinh ngày 04/6/2005 cho chị Lê Hồng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trương Sơn L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với chị Lê Hồng T và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Hồng T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số 51 ngõ 379/7 ĐC, phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Hồng T không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị T theo quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn không đến tham gia tố tụng và không tham gia xét xử tại phiên tòa. Đây là lần thứ 2 chị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ và các chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án đã thu thập, có đủ cơ sở xác định: Anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KM, quận BD, Hà Nội ngày 11/01/2000, số giấy 06. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng anh L, chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tháng 5 năm 2021,

anh L đã chuyển đến tại địa chỉ: Phòng 202, ngõ 295 đường SĐ, phường NS, thành phố BN, tỉnh BN; còn chị T vẫn sinh sống tại địa chỉ: số 51 ngõ 379/7 ĐC, phường LG, quận BD, thành phố Hà Nội. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi. Chị T không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là: Cháu Trương Sơn T1, sinh ngày 26/7/2002 và cháu Trương Sơn H, sinh ngày 04/6/2005. Hiện nay cháu T1 và cháu H đang ở cùng chị T. Cháu T1 đã trưởng thành nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đối với cháu T1. Anh đề nghị giao cháu H cho chị Thúy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để thuận tiện cho việc cháu sinh hoạt và học tập. Anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị Thúy là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2022, cháu Trương Sơn H có nguyện vọng xin được ở với chị T sau khi anh L và chị Thúy ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyện vọng của anh L là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, nên được chấp nhận. Vì vậy, cần giao cháu Trương Sơn H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[5] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh L xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Chị Thúy không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung và nhà ở chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh L, chị Thúy.

Về khoản nợ: Anh L xác nhận anh chị không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trương Sơn L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trương Sơn L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Sơn L được ly hôn chị Lê Hồng T.
3. Về việc nuôi con chung: Anh Trương Sơn L và chị Lê Hồng T có 02 con chung là cháu Trương Sơn T1, sinh ngày 26/7/2002 và cháu Trương Sơn H, sinh ngày 04/6/2005. Cháu Trương Sơn T1 đã trưởng thành, việc cháu ở với ai do cháu T1 tự quyết định.

Giao cháu Trương Sơn H cho chị Lê Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L đóng góp nuôi con là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trương Sơn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các khoản nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trương Sơn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0067620 ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BD, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Trương Sơn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Hồng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Chi Cục THA dân sự quận BD;*
- *UBND phường/xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Dương Thị Sen

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ